TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/DS-ST
Ngày: 15-11-2018
V/v "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thu Thảo
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Lâm Phương
2. Ông Huỳnh Tiễn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Linh Phương, Thư ký Tòa án của Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng*** *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Quốc – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2018 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2018/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 9 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2018/QĐST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2018 và Thông báo về việc mở phiên tòa số 05/TB-TA ngày 01 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Bà Nguyễn Thị Ánh L -** Sinh năm 19xx - Địa chỉ: Đường E, phường K, quận B, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt)

* *Bị đơn:* **Bà Nguyễn Thị Kim C** – Sinh năm 1978 - Địa chỉ: Đường Y, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt không có lý do)

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Hồ Quốc T –** Sinh năm 1972 – Địa chỉ: Đường Y, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt không có lý do)

2. **Văn phòng Công chứng A -** Địa chỉ: Đường V, quận B, thành phố Đà Nẵng - Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị D - Chức vụ: Trưởng văn phòng. (Vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 14/6/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ánh L trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kim C và tôi là chị em cô cậu ruột. Vào tháng 4/2014 bà C có đến nơi tôi làm việc là Ngân hàng TMCP S hỏi vay số tiền 380.000.000 đồng và hứa trả lãi theo lãi vay Ngân hàng. Tôi đã cho bà C vay 380.000.000 đồng và không yêu cầu bà C viết giấy nợ vì nghĩ là chị em trong gia đình. Đến tháng 9/2015 gia đình tôi gặp khó khăn về tài chính, tôi có yêu cầu bà C trả nợ nhưng bà C không trả. Đến tháng 12/2015 tôi yêu cầu bà C phải viết giấy nợ. Ngày 22/12/2015 bà C đã viết giấy mượn tiền, nội dung ghi nhận việc nợ tôi số tiền là 485.000.000 đồng (bao gồm cả nợ gốc và lãi) và cam kết sẽ trả số tiền 100.000.000 đồng từ tháng 2 năm 2016 âm lịch và mỗi năm trả 100.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên bà C không trả tiền theo cam kết dù tôi đã nhiều lần yêu cầu. Ngày 22/04/2016 tôi gửi văn bản thông báo cho bà C và chồng của bà C là ông Hồ Quốc T biết về việc chấm dứt hợp đồng vay tài sản do bà C vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đồng thời yêu cầu bà C trả hết số tiền vay 485.000.000 đồng cho tôi sau thời gian 15 ngày kể từ ngày tôi gửi thông báo qua bưu điện. Sau đó bà C vẫn không trả nợ nên tôi đã khởi kiện bà C tại Tòa án nhân dân quận Hải Châu. Tại Quyết định số 118/2016/QĐST-DS ngày 01/9/2016 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, bà C đã thừa nhận có nợ tôi số tiền 485.000.000 đồng và thỏa thuận trả nợ thành 03 đợt như sau:

- Đợt 1: Ngày 31/12/2016 trả số tiền 150.000.000 đồng.
- Đợt 2: Ngày 31/12/2017 trả số tiền 165.000.000 đồng.
- Dợt 3: Ngày 31/12/2018 trả số tiền 170.000.000 đồng.

Tuy nhiên, bà C đã không thực hiện việc trả nợ theo quyết định trên. Do đó, ngày 29/3/2017 tôi làm đơn yêu cầu Chi cục Thi hành án quận Hải Châu cưỡng chế thi hành án buộc bà Nguyễn Thị Kim C trả nợ cho tôi theo đúng quy định pháp luật. Ngày 03/4/2017 Chi cục Thi hành án quận Hải Châu ra Quyết định số 964/QĐ-CCTHADS về việc thi hành án buộc bà C trả nợ cho tôi theo cam kết đã thỏa thuận tại Quyết định số 118/QĐST-DS. Khi Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu tiến hành xác minh tài sản của bà C để cưỡng chế thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho tôi thì được biết phần tài sản của bà C là ½ nhà, đất tại địa chỉ Đường Y, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng đã được bà C làm thủ tục tặng cho chồng là ông Hồ Quốc T theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 28/4/2016, được công chứng tại Văn phòng Công chứng A. Ngoài tài sản trên, tôi không biết bà C còn tài sản gì khác.

Như vậy, việc bà C tặng cho ông T phần tài sản thuộc sở hữu của mình sau khi nhận được thông báo về việc yêu cầu trả nợ của tôi là giả tạo nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của tôi. Theo quy định tại Điều 129 của Bộ luật Dân sự 2005, giao dịch dân sự nói trên là vô hiệu. Do đó, tôi yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng tặng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 28/4/2016 đối với ½ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Đường Y, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng giữa bà Nguyễn Thị Kim C và ông Hồ Quốc T là vô hiệu. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà Nguyễn Thị Kim C và ông Hồ Quốc T tham gia tố tụng để giải quyết vụ án nhưng bà Nguyễn Thị Kim C, ông Hồ Quốc T vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến nên không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại văn bản số 21/VPCCTT ngày 23/10/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Văn phòng Công chứng A trình bày: Ngày 28/4/2016, Văn phòng Công chứng A có nhận được yêu cầu công chứng Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Đường Y, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng giữa bên tặng cho là bà Nguyễn Thị Kim C, bên nhận tặng cho là ông Hồ Quốc T. Sau khi thụ lý hồ sơ, Văn phòng Công chứng A nhận thấy tài sản tặng cho không bị tranh chấp, không nằm trong diện bị kê biên phong tỏa, các bên đương sự đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, và đây là trường hợp được tặng cho theo quy định của pháp luật nên Văn phòng Công chứng A đã thực hiện việc công chứng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nói trên vào ngày 28/4/2016, số công chứng 2838. Việc thực hiện công chứng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nói trên là đúng quy định pháp luật. Đồng thời Văn phòng Công chứng A có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cho đến khi vụ án kết thúc.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim C mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không tham gia các phiên hòa giải và tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa hôm nay, không thực hiện đúng quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân quận Hải Châu căn cứ các điều 136, 401, 402, 405, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 91, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh L đối với bà Nguyễn Thị Kim C, vì các lý do: Khi cho bà C vay tiền, bà L không yêu cầu bà C dùng căn nhà Đường Y, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng để bảo đảm trả nợ cho bà L; tại thời điểm bà C tặng cho quyền sử dụng đất cho ông T không có bản án hay quyết định nào của Tòa án xác định nghĩa vụ của bà C đối với bà L; mục đích, nội dung, trình tự và thủ tục tặng cho tài sản trên giữa bà C và ông T là hoàn toàn hợp pháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Thẩm quyền giải quyết vụ án: Nơi cư trú của bà Nguyễn Thị Kim C tại địa chỉ Đường Y, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵngnên vụ án do Tòa án nhân quận Hải Châu (Tòa án nơi bị đơn cư trú) thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Quốc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Văn phòng Công chứng A có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người trên.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Đường Y, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵngđã được UBND quận Hải Châu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 431942 ngày 26/5/2011, đứng tên bà Nguyễn Thị Kim C và ông Hồ Quốc T. Ngày 28/4/2016, tại Văn phòng Công chứng A, bà Nguyễn Thị Kim C ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tặng cho ½ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Đường Y, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng thuộc sở hữu của bà C cho ông T.

[2.2] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ánh L về việc tuyên bố Hợp đồng tặng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 28/4/2016 giữa bà Nguyễn Thị Kim C và ông Hồ Quốc T là vô hiệu:

Vào ngày 22/12/2015 bà Nguyễn Thị Kim C viết giấy mượn bà Nguyễn Thị Ánh L số tiền 485.000.000 đồng và cam kết thời hạn trả tiền từ tháng 2 năm 2016 (âm lịch) trả 100.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Tuy nhiên, bà C không trả nợ theo cam kết nên bà L đã khởi kiện yêu cầu bà C trả tiền. Tại Tòa án, bà C thừa nhận có nợ bà L số tiền 485.000.000 đồng, chấp nhận trả nợ và tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà L và bà C đã được giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 118/2016/QĐST-DS ngày 01/9/2016 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu. Như vậy, việc nợ tiền theo giấy mượn tiền ngày 22/12/2015 là có thật và bà C có nghĩa vụ phải trả nợ cho bà L.

Do bà Nguyễn Thị Kim C vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã cam kết tại giấy mượn tiền ngày 22/12/2015, ngày 22/4/2016, bà Nguyễn Thị Ánh L đã gửi thông báo về việc chấm dứt hợp đồng vay tài sản và yêu cầu trả nợ cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim C và ông Hồ Quốc T qua đường bưu điện. Theo Phiếu báo phát của bưu điện thể hiện thông báo trên đã được phát cho bà C và ông T vào ngày 25/4/2016. Đến ngày 28/4/2016, tại Văn phòng Công chứng A, bà Nguyễn Thị Kim C ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tặng cho ½ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Đường Y, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng thuộc sở hữu của mình cho chồng là ông T. Việc tặng cho này được thực hiện trong khi bà C không có nghĩa vụ gì về tài sản phải thực hiện đối

với ông T, ngược lại bà C đang có nghĩa vụ tài sản phải thực hiện với bà L. Như vậy, việc bà C ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Đường Y, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng cho ông T trong khi bà C chưa thanh toán số tiền nợ cho bà L là thuộc trường hợp xác lập giao dịch giả tạo nhằm trốn tránh nghĩa vụ với người thứ ba (bà L) nên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bà C đối với ông T là vô hiệu theo quy định tại Điều 129 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Đối với ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải Châu đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh L, Hội đồng xét xử thấy không có cơ sở như đã phân tích ở trên và không phù hợp với thực tế nên không chấp nhận.

[3] Về án phí:

- Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Ánh L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 129 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Ánh L đối với bà Nguyễn Thị Kim C.

Xử:

1. Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, ký ngày 28/4/2016 tại Văn phòng Công chứng A, giữa bên tặng cho là bà Nguyễn Thị Kim C và bên nhận tặng cho là ông Hồ Quốc T đối với ½ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Đường Y, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng là vô hiệu.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu.

- Bà Nguyễn Thị Ánh L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ánh L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003464 ngày 05/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ánh L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Kim C, ông Hồ Quốc T, Văn phòng

Công chứng A vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Thu Thảo